

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huy;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Thanh Hải;

2. Ông Phan Tấn Vũ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim Q, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn V, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Quốc V, sinh năm 1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; hiện trú tại: Số 44, đường NE8, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Chị Q có mặt tại phiên tòa; anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn ghi ngày 13 tháng 8 năm 2021.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/12/2020, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Kim Q trình bày:*

Chị Q và anh V kết hôn vào ngày 14/01/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh V không có trách nhiệm với vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Chị Q và anh V đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, phần ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Chị Q và anh V có 01 người con chung tên là Bùi Lê Đỗ Q, sinh ngày 22/8/2016. Nếu ly hôn, chị Q yêu cầu được nuôi cháu Q và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Quốc V trình bày:*

Điều kiện kết hôn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh V và chị Q đúng như chị Q đã trình bày, nay chị Q yêu cầu được ly hôn với anh V thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh V và chị Q có 01 người con chung đúng như chị Q đã trình bày, anh V đồng ý giao cháu Bùi Lê Đỗ Q, sinh ngày 22/8/2016 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị Kim Q được ly hôn với anh Bùi Quốc V.

- Về con chung: Giao con chung Bùi Lê Đỗ Q, sinh ngày 22/8/2016 cho chị Lê Thị Kim Q trực tiếp nuôi dưỡng; chị Q không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Kim Q, anh Bùi Quốc V không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Lê Thị Kim Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa Tòa án nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn*”. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa chị Lê Thị Kim Q thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh Bùi Quốc V cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Bùi Quốc V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Bị đơn anh Bùi Quốc V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Kim Q và anh Bùi Quốc V là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị Q và anh V đều thừa nhận cuộc sống chung của hai người có mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hiện nay hai người đã sống ly

thân, điều đó chứng tỏ chị Q và anh V đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Q yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Q yêu cầu được nuôi cháu Bùi Lê Đỗ Q, sinh ngày 22/8/2016, anh V cũng đồng ý với yêu cầu của chị Q. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Q cho chị Q nuôi dưỡng là phù hợp; anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Q không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Kim Q, anh Bùi Quốc V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim Q phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Kim Q và anh Bùi Quốc V.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Bùi Lê Đỗ Q, sinh ngày 22/8/2016 cho chị Lê Thị Kim Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Q không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Bùi Quốc V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Kim Q, anh Bùi Quốc V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Kim Q phải chịu số tiền 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền

300.000<sup>d</sup> (Ba trăm ngàn đồng) chi Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004909 ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

*Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 14/9/2021, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Huy**